

XIN được bắt đầu câu chuyện từ một đô thị có đông dân nhất nước: thành phố Hồ Chí Minh. Công cuộc đô thị hóa tại đây, cho đến cuối những năm 90 của thế kỷ XX có thể xem như đã được ghi vào lịch sử thành phố những dấu tích khó quên. Nhà thấp được làm thành nhà cao, nhà cao càng được xây cao hơn và bước vào thế kỷ XXI nhà ở đây đã vươn tới cỡ *chọc trời* thành phố! Nhà càng cao, người thành phố càng đông và có lẽ đang tồn tại một **ngịch lý** là trong các ngôi nhà càng cao, càng sang, càng *thưa vắng người ở!* Không biết có ai đã xem được hết các bản lý lịch trích ngang của các ngôi nhà cao ấy và làm sao mà biết được nguyên do sản sinh cũng như ý nghĩa, mục đích của sự "đầu thai" ra các *sản phẩm chọc trời* ấy là như thế nào?!

Có thể xem công cuộc đô thị hóa ở thành phố Hồ Chí Minh, cho đến cuối những năm 90 của thế kỷ XX là một thực trạng *gọi cả vui lẫn buồn* và *vừa mừng vừa lo*. Nhất là xem xét sóng đôi *thực trạng đô thị hóa với thực trạng đời sống văn hóa*.

Đã có rất nhiều bài viết, nhiều sách báo và nhiều cuộc hội thảo lớn, nhỏ bàn đến vấn đề này. Nhưng cho đến nay *nỗi lo* trước hết là *sự phân đầu của chúng ta quá yếu* trong việc phải tránh để khỏi bị đứng vào thế *siêu đô thị*.

Có một thời, mới đây thôi, trong xây dựng đô thị, chúng ta đã say sưa với sự phát triển *chiều cao* mà chưa lưu ý đúng mức đến *chiều rộng*. Một *chiếc thảm đô thị* từ Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh trải rộng ra toàn vùng Nam Bộ vẫn chưa được cứu xét một cách đồng bộ và chưa tạo điều kiện đầy đủ cho việc thực thi trong các thập niên tới. Chúng ta chưa có được những kết quả khảo sát thật khoa học để đi đến

những dự báo chiến lược về một điều rất căn bản là: con người sẽ **được sống** và sẽ **bị sống** trong đô thị Việt Nam nói chung và trong thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, trong kết quả của chuyển động đô thị hóa ngày nay là ai?.

Trong sự nghiệp đô thị hóa, Việt Nam hồi đầu những năm 90 của thế kỷ trước, một nhiệm vụ chiến lược hết sức lớn lao đã được đặt ra là: tới năm 2000 Việt Nam sẽ phải đạt mục tiêu xây dựng tương đối hoàn chỉnh một hệ thống đô thị trên cả nước có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và kỹ thuật hiện đại; có môi trường đô thị trong sạch; có sự phát triển đô thị hợp lý, cân đối trên phạm vi cả nước; bảo đảm sự phát triển ổn định, cân bằng cho mỗi đô thị để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói chung. Nhưng đã đến nay xem chừng chúng ta đã thực hiện nhiệm vụ đó không được bao nhiêu.

Đánh giá đời sống văn hóa cao hay thấp của một đô thị, trước hết phải xét xem người dân ở đô thị đó sống như thế nào. Cho nên, bàn tới đô thị hóa, trước hết phải tính toán về vấn đề *dân số*. Hồi đầu những năm 90 của thế kỷ trước dân số các đô thị trên cả nước Việt Nam là 14,7 triệu người, chiếm trên 20% dân số toàn quốc. Đến năm 2000, số dân ở đô thị Việt Nam lên tới 19 triệu người, chiếm 23% dân số toàn quốc. Tiếp theo vấn đề dân số là *diện tích đất đai*. Vào đầu những năm 90 của thế kỷ XX đất đô thị Việt Nam có khoảng 63,3 ngàn héc-ta, trung bình mỗi người dân đô thị có 45m². Năm 2020, dự tính diện tích đất đô thị Việt Nam là 460 ngàn héc-ta, chiếm 14% đất tự nhiên của

Đô thị hóa nhìn từ phía văn hóa

TRẦN TRỌNG ĐĂNG ĐÀN *

* PGS, TS, Nhà nghiên cứu

cả nước, trung bình mỗi người có khoảng 100 m². Từ hai dữ kiện về số dân và số đất vừa nói, căn cứ vào định hướng chung, chúng ta có thể hình dung một mạng lưới đô thị ở Việt Nam sẽ hình thành dần từ nay cho đến năm 2020. Cùng với quá trình hình thành mạng lưới đô thị đó là sự hình thành hệ thống chính sách về đầu tư, về giải pháp tạo vốn, về phát triển kết cấu hạ tầng... Và tất cả những nhiệm vụ chiến lược to lớn đó, đều phải dựa trên thành quả của hai ngành khoa học đặc biệt quan trọng, là ngành *tương lai học* và ngành *khoa học dự báo*. Thành quả dự báo và nghiên cứu về tương lai của đô thị Việt Nam lại còn lệ thuộc rất nhiều vào *thành quả dự báo và nghiên cứu về tương lai của thế giới*.

Không thể xây dựng một *mạng lưới* đô thị của Việt Nam, thậm chí, không thể xây dựng một đô thị cỡ lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh cho những thập niên đầu của thế kỷ XXI, mà không tính đến những dự báo về tương lai của đô thị thế giới cùng thời. Có thể nêu một vài khía cạnh trong vấn đề này: chẳng hạn, dự báo của Liên hợp quốc về *dân số* đô thị thế giới như sau: năm 1995, mười thành phố lớn hàng đầu thế giới, với dân số và được sắp xếp theo thứ hạng như sau: thứ nhất là Tô-ky-ô (Nhật Bản): 26,8 triệu người; thứ hai là Sao-Pau-lô (Bra-xin): 16,4 triệu người; thứ ba là Niu-oóc (Mỹ): 16,3 triệu người; thứ tư là Mê-xi-cô (Mê-xi-cô): 15,6 triệu người; thứ năm là Bom-bay (Ấn Độ) và Thượng Hải (Trung Quốc) mỗi thành phố 15,1 triệu người; thứ bảy là Lốt An-giơ-lét (Mỹ) và Bắc Kinh (Trung Quốc) mỗi thành phố 12,4 triệu người; thứ chín là Can-cút-ta (Ấn Độ): 11,7 triệu người và thứ mười là Xê-un (Hàn Quốc): 11,6 triệu người. Đến năm 2015, sẽ có 4 trong số 10 thành phố kể trên không còn ở trong thứ hạng từ 1 đến 10 thành phố thuộc hàng đông dân nhất thế giới. Đó là Niu-oóc, Lốt An-giơ-lét, Can-cút-ta và Xê-un. Vào lúc đó sẽ có 4 thành phố khác thuộc các nước mà nay đang được xem là các nước "đang phát triển" sẽ đứng vào hàng 10 thành phố có số dân đông nhất thế giới. Đó là các thành phố La-gôt, Gia-các-ta, Ca-ra-si và Đắc-ca. Và thứ hạng cũng sẽ được thay đổi, cụ thể như sau:

thứ nhất là Tô-ky-ô (Nhật Bản): 28,7 triệu người; thứ hai là Bom-bay (Ấn Độ): 27,4 triệu người; thứ ba là La-gôt (Ni-giê-ri-a): 24,4 triệu người; thứ tư là Thượng Hải (Trung Quốc): 23,4 triệu người; thứ năm là Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a): 21,2 triệu người; thứ sáu là Xan Pao-lô (Bra-xin): 20,8 triệu người; thứ bảy là Ca-ra-si (Pa-ki-xtan): 20,6 triệu người; thứ tám là Bắc Kinh (Trung Quốc): 19,4 triệu người; thứ chín là Đắc-ca (Băng-la-đét): 19,0 triệu người và thứ mười là Mê-xi-cô (Mê-xi-cô): 18,8 triệu người.

Chỉ tính 10 thành phố đông dân nhất thế giới năm 1995 và năm 2015, ta thấy châu Á luôn có nhiều thành phố thuộc loại đông dân nhất so với các châu lục khác. Và xét về sự biến đổi số dân ở trong các đô thị đó trong hai thập niên tới thì các thành phố châu Á cũng thuộc loại *sôi động nhất*. Biến đổi dân số không phải là tất cả, nhưng cũng là một yếu tố thuộc loại *quan trọng nhất* trong toàn bộ vấn đề đô thị hóa và đời sống văn hóa đô thị. Đó là nói về *tương lai* và tương lai của đời sống văn hóa, nhân bản đến khía cạnh *khoa học dự báo*.

Nhìn lại quá khứ, quá trình đô thị hóa của các nước châu Á và của thế giới nói chung có rất nhiều khía cạnh mà Việt Nam cần đặc biệt quan tâm để học tập và rút những bài học kinh nghiệm. Quá trình đô thị hóa và ảnh hưởng của đô thị hóa đến đời sống văn hóa của thế giới có vô số *kinh nghiệm thành công*. Thực tế đó đã được nói đến khá nhiều, khá sâu trong sách, báo, tài liệu mà trong quá trình đô thị hóa ở Việt Nam, chúng ta kế thừa và áp dụng với tinh thần trân trọng. Thế nhưng, chỉ kế thừa những kinh nghiệm thành công thôi chưa đủ. Tránh cho được những thất bại mà thế giới đã trải qua, sẽ góp phần rất lớn cho sự nghiệp đô thị hóa và xây dựng đời sống văn hóa đô thị ở Việt Nam thời gian tới. Trong vấn đề này, theo tôi, ít nhất là có những khía cạnh cần lưu ý đặc biệt như sau: *thứ nhất* là sai lầm do thực hiện công cuộc đô thị hóa không đi đôi với *thành thị hóa nông thôn* một cách hữu cơ và đồng bộ, làm mất đi sự hài hòa cần thiết giữa các vùng cư dân, các vùng kinh tế

cả nước, trung bình mỗi người có khoảng 100 m². Từ hai dữ kiện về số dân và số đất vừa nói, căn cứ vào định hướng chung, chúng ta có thể hình dung một mạng lưới đô thị ở Việt Nam sẽ hình thành dần từ nay cho đến năm 2020. Cùng với quá trình hình thành mạng lưới đô thị đó là sự hình thành hệ thống chính sách về đầu tư, về giải pháp tạo vốn, về phát triển kết cấu hạ tầng... Và tất cả những nhiệm vụ chiến lược to lớn đó, đều phải dựa trên thành quả của hai ngành khoa học đặc biệt quan trọng, là ngành *tương lai học* và ngành *khoa học dự báo*. Thành quả dự báo và nghiên cứu về tương lai của đô thị Việt Nam lại còn lệ thuộc rất nhiều vào *thành quả dự báo và nghiên cứu về tương lai của thế giới*.

Không thể xây dựng một *mạng lưới* đô thị của Việt Nam, thậm chí, không thể xây dựng một đô thị cỡ lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh cho những thập niên đầu của thế kỷ XXI, mà không tính đến những dự báo về tương lai của đô thị thế giới cùng thời. Có thể nêu một vài khía cạnh trong vấn đề này: chẳng hạn, dự báo của Liên hợp quốc về *dân số* đô thị thế giới như sau: năm 1995, mười thành phố lớn hàng đầu thế giới, với dân số và được sắp xếp theo thứ hạng như sau: thứ nhất là Tô-ky-ô (Nhật Bản): 26,8 triệu người; thứ hai là Sao-Pau-lô (Bra-xin): 16,4 triệu người; thứ ba là Niu-oóc (Mỹ): 16,3 triệu người; thứ tư là Mê-xi-cô (Mê-xi-cô): 15,6 triệu người; thứ năm là Bom-bay (Ấn Độ) và Thượng Hải (Trung Quốc) mỗi thành phố 15,1 triệu người; thứ bảy là Lốt An-giơ-lét (Mỹ) và Bắc Kinh (Trung Quốc) mỗi thành phố 12,4 triệu người; thứ chín là Can-cút-ta (Ấn Độ): 11,7 triệu người và thứ mười là Xê-un (Hàn Quốc): 11,6 triệu người. Đến năm 2015, sẽ có 4 trong số 10 thành phố kể trên không còn ở trong thứ hạng từ 1 đến 10 thành phố thuộc hàng đông dân nhất thế giới. Đó là Niu-oóc, Lốt An-giơ-lét, Can-cút-ta và Xê-un. Vào lúc đó sẽ có 4 thành phố khác thuộc các nước mà nay đang được xem là các nước "đang phát triển" sẽ đứng vào hàng 10 thành phố có số dân đông nhất thế giới. Đó là các thành phố La-gô-t, Gia-các-ta, Ca-ra-si và Đắc-ca. Và thứ hạng cũng sẽ được thay đổi, cụ thể như sau:

thứ nhất là Tô-ky-ô (Nhật Bản): 28,7 triệu người; thứ hai là Bom-bay (Ấn Độ): 27,4 triệu người; thứ ba là La-gô-t (Ni-giê-ri-a): 24,4 triệu người; thứ tư là Thượng Hải (Trung Quốc): 23,4 triệu người; thứ năm là Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a): 21,2 triệu người; thứ sáu là Xan Pao-lô (Bra-xin): 20,8 triệu người; thứ bảy là Ca-ra-si (Pa-ki-xtan): 20,6 triệu người; thứ tám là Bắc Kinh (Trung Quốc): 19,4 triệu người; thứ chín là Đắc-ca (Băng-la-đét): 19,0 triệu người và thứ mười là Mê-xi-cô (Mê-xi-cô): 18,8 triệu người.

Chỉ tính 10 thành phố đông dân nhất thế giới năm 1995 và năm 2015, ta thấy châu Á luôn có nhiều thành phố thuộc loại đông dân nhất so với các châu lục khác. Và xét về sự biến đổi số dân ở trong các đô thị đó trong hai thập niên tới thì các thành phố châu Á cũng thuộc loại *sôi động nhất*. Biến đổi dân số không phải là tất cả, nhưng cũng là một yếu tố thuộc loại *quan trọng nhất* trong toàn bộ vấn đề đô thị hóa và đời sống văn hóa đô thị. Đó là nói về *tương lai* và tương lai của đời sống văn hóa, nhân bản đến khía cạnh *khoa học dự báo*.

Nhìn lại quá khứ, quá trình đô thị hóa của các nước châu Á và của thế giới nói chung có rất nhiều khía cạnh mà Việt Nam cần đặc biệt quan tâm để học tập và rút những bài học kinh nghiệm. Quá trình đô thị hóa và ảnh hưởng của đô thị hóa đến đời sống văn hóa của thế giới có vô số *kinh nghiệm thành công*. Thực tế đó đã được nói đến khá nhiều, khá sâu trong sách, báo, tài liệu mà trong quá trình đô thị hóa ở Việt Nam, chúng ta kế thừa và áp dụng với tinh thần trân trọng. Thế nhưng, chỉ kế thừa những kinh nghiệm thành công thôi chưa đủ. Tránh cho được những thất bại mà thế giới đã trải qua, sẽ góp phần rất lớn cho sự nghiệp đô thị hóa và xây dựng đời sống văn hóa đô thị ở Việt Nam thời gian tới. Trong vấn đề này, theo tôi, ít nhất là có những khía cạnh cần lưu ý đặc biệt như sau: *thứ nhất* là sai lầm do thực hiện công cuộc đô thị hóa không đi đôi với *thành thị hóa nông thôn* một cách hữu cơ và đồng bộ, làm mất đi sự hài hòa cần thiết giữa các vùng cư dân, các vùng kinh tế

mang tính chiến lược của mỗi đất nước, do đó đòi sống văn hóa bị ảnh hưởng xấu. Kinh nghiệm thất bại *thứ hai* là: đô thị hóa tạo điều kiện phát triển nhanh cho công, thương nghiệp và cản trở sự phát triển của nông, lâm, ngư nghiệp... từ đó dẫn đến sự phân tầng xã hội, phân chia giàu nghèo quyết liệt hơn - điều mà chúng ta không muốn có. Bởi vì, *xã hội thiếu văn hóa nhất là xã hội có những con người sống quá giàu sang giữa quá nhiều những con người sống quá bần cùng*. Kinh nghiệm thất bại *thứ ba* là sự phân tầng xã hội về mặt kinh tế tất yếu, để ra *phân tầng xã hội về giáo dục - văn hóa*, tới một độ nào đó sẽ thành vấn đề mâu thuẫn trong đời sống chính trị - tư tưởng. Các nguyên lý lý luận về chủ nghĩa xã hội nói chung và các định hướng xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đề ra, sẽ đứng trước những thử thách mới mà tiền đề để giải quyết, để vượt qua những thử thách đó rõ ràng là *chưa có*. Một trong những nhiệm vụ căn bản của *bước khởi đầu* quá trình đô thị hóa là, định hình cho được *từng bước đi* và thành quả *từng giai đoạn* trong tương lai của *cả quá trình* đô thị hóa. Đó là một vấn đề không thể thiếu, đồng thời không dễ có. Một tập hợp những năng lực trí tuệ về *khoa học dự báo, về tương lai học* rời rạc, mỏng manh rất dễ dẫn tới những kết quả đáng buồn, thậm chí *nguy hiểm* cho tương lai đất nước. Đó là kinh nghiệm *thứ tư* mà Việt Nam có thể rút ra từ thực tế đô thị hóa ở nhiều nước trên thế giới. *Thứ năm*, theo như thực tế của nhiều nước trên thế giới mấy thập niên qua, thì hậu quả của những khiếm khuyết trong *khoa học dự báo, trong tương lai học* đã dẫn tới chỗ mâu thuẫn, bế tắc trong một loạt vấn đề quan trọng: vấn đề ô nhiễm môi trường, vấn đề mâu thuẫn giữa *trình độ sống, lối sống văn hóa* của người dân với *phương tiện sống, phương tiện hưởng thụ văn hóa* mà các khoa học - kỹ thuật đô thị hóa đem lại. Điều này kinh nghiệm thất bại của thế giới có nhiều, và mỗi nước có một loạt kinh nghiệm thất bại khác nhau, mà Việt Nam nói chung, thành phố Hồ Chí Minh nói riêng cần được thông tin hết sức đầy đủ. Kinh nghiệm *thứ sáu*, đô thị hóa ở thành phố Hồ Chí Minh phải được đặt trong bối cảnh đô thị hóa của cả nước. Và đô

thị hóa của cả nước phải được đặt trong bối cảnh chung của thực tế công cuộc đô thị hóa cả thế giới. Ở đây, cùng với các vấn đề về *dự báo, về tương lai học*, vấn đề rất quan trọng là *chuyên giao kỹ thuật*. Chuyên giao kỹ thuật cho việc xây dựng đô thị và tổ chức cuộc sống, bao gồm *cả cuộc sống văn hóa đô thị* hiện đại là vấn đề mà Việt Nam phải kết chặt với cả thế giới. Nhìn thực tế của thế giới ngày nay thì những người thực hiện đô thị hóa ở nước ta rất dễ bị choáng ngợp trước các hình ảnh bề ngoài của các đô thị thuộc nhiều quốc gia khác, trong khi tại chính các quốc gia đó thì những gì là cơ sở khoa học - kỹ thuật để xây dựng nên các đô thị đang làm cho Việt Nam choáng ngợp ấy, đã thuộc loại *lạc hậu, thậm chí quá lạc hậu*. Nếu Việt Nam tiếp nhận lấy những cơ sở khoa học - kỹ thuật đó để phục vụ cho công cuộc đô thị hóa đất nước *hiện nay* thì chỉ hai, ba thập niên nữa, Việt Nam, mà trước hết là thành phố Hồ Chí Minh vẫn sẽ thuộc loại đất nước, thuộc loại thành phố có trình độ đô thị hóa lạc hậu nhất của thế giới *lúc bấy giờ*. Không phải riêng lĩnh vực đô thị hóa mà trong mọi lĩnh vực của xã hội loài người, vấn đề chuyển giao khoa học - kỹ thuật cho nước có trình độ phát triển kém thua nước mình là vấn đề được xem như *tất yếu*, được xem như là *con đường thoát duy nhất* của các nước phát triển muốn phát triển tiếp tục!. Như vậy, thử hỏi loài người sẽ đi đến đâu? Cuộc sống đô thị nói riêng và văn minh nhân loại nói chung, cứ phải giữ khoảng cách này ngày càng xa giữa các quốc gia, giữa các dân tộc cho đến bao giờ?

Khi đặt vấn đề suy nghĩ về môi trường nhân văn, về đời sống văn hóa và vấn đề đô thị hóa tại Việt Nam, tại thành phố Hồ Chí Minh thời gian trước mắt chúng ta có nhiều vấn đề. Những vấn đề như vậy rất nhiều nước trên thế giới có vô số *kinh nghiệm thành công*, đồng thời cũng có vô số *kinh nghiệm thất bại*. Xin đừng quên trao đổi với nhau những *kinh nghiệm thất bại* để thời gian tới công cuộc đô thị hóa của thành phố Hồ Chí Minh, của cả nước sẽ đạt được nhiều thành công hơn nữa; đời sống văn hóa sẽ được phát triển *đúng hướng* hơn nữa. □